

Phụ lục 01
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

TT	ĐƠN VỊ	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025	TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025	TỶ LỆ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
A	CÁC XÃ, PHƯỜNG			
1	XÃ BỒ NGOONG	6.564,00	0,00	0,00%
2	XÃ ĐAK ĐOÀ	1.390,00	0,00	0,00%
3	XÃ IA NAN	1.316,00	0,00	0,00%
4	XÃ ĐAK SƠMEI	18.075,75	220,00	1,22%
5	XÃ IA LE	24.215,03	1.540,00	6,36%
6	XÃ IA LẦU	23.396,00	1.736,79	7,42%
7	XÃ VINH THỊNH	16.769,74	1.275,49	7,61%
8	XÃ KRONG	19.366,50	1.800,63	9,30%
9	XÃ IA LY	44.055,52	5.491,87	12,47%
10	XÃ IA KRÊL	22.767,74	3.022,57	13,28%
11	XÃ CHU' A THAI	25.300,85	3.437,48	13,59%
12	XÃ VÂN CANH	39.727,98	5.469,50	13,77%
13	XÃ TỎ TUNG	9.963,00	1.421,00	14,26%
14	XÃ IA PA	12.055,50	1.959,00	16,25%
15	XÃ IA HIAO	21.111,11	3.482,46	16,50%
16	XÃ IA HRUNG	4.338,00	818,00	18,86%
17	XÃ AN VINH	33.822,80	6.759,63	19,99%
18	XÃ IA PÚCH	23.333,56	5.369,07	23,01%
19	XÃ PHÚ THIÊN	25.315,75	6.139,46	24,25%
20	XÃ BIỂN HỒ	23.885,34	5.859,10	24,53%
21	XÃ IA TUL	17.378,15	4.569,44	26,29%
22	XÃ IA PHÍ	30.699,50	8.234,57	26,82%
23	XÃ IA KRÁI	11.633,00	3.239,70	27,85%
24	XÃ KBANG	14.338,00	4.030,90	28,11%
25	XÃ IA MƠ	4.612,33	1.304,00	28,27%
26	XÃ MANG YANG	6.838,27	2.016,00	29,48%
27	XÃ AN TOÀN	21.742,37	6.480,50	29,81%
28	XÃ KÔNG CHRO	14.965,00	4.566,82	30,52%
29	XÃ SRÓ	14.939,51	4.566,89	30,57%
30	XÃ IA PIA	41.576,04	12.748,64	30,66%
31	XÃ TÂY SƠN	11.925,54	3.792,28	31,80%
32	XÃ IA DOM	630,00	208,60	33,11%
33	XÃ LỚ PANG	22.432,63	7.566,02	33,73%
34	XÃ PỜ TỎ	24.123,40	8.357,41	34,64%
35	XÃ CANH VINH	5.978,50	2.152,68	36,01%
36	XÃ IA HRÚ	5.922,10	2.184,83	36,89%
37	XÃ YA MA	26.241,50	10.574,71	40,30%
38	XÃ GÀO	16.838,91	7.125,30	42,31%
39	XÃ IA KO	10.010,95	4.449,18	44,44%
40	XÃ IA GRAI	15.631,15	7.036,19	45,01%
41	XÃ BÀU CẠN	14.453,31	6.512,06	45,06%
42	XÃ ĐẮK SONG	15.904,00	7.178,53	45,14%
43	XÃ IA KHUỒL	17.995,80	8.160,00	45,34%
44	XÃ AN LÃO	39.427,13	18.678,04	47,37%
45	XÃ SƠN LANG	2.800,00	1.333,80	47,64%
46	XÃ CHU' KREY	18.715,00	8.997,26	48,08%
47	XÃ KDANG	17.989,95	8.857,00	49,23%
48	XÃ CÁT TIỀN	2.172,00	1.086,00	50,00%
49	XÃ VẠN ĐỨC	8.212,91	4.154,71	50,59%
50	XÃ AN HÒA	10.554,33	5.368,92	50,87%

51	XÃ IA CHÍA	6.011,00	3.064,00	50,97%
52	XÃ AL BÁ	12.414,00	6.420,40	51,72%
53	XÃ ĐAK RONG	10.506,00	5.437,43	51,76%
54	XÃ KÔNG BƠ LA	5.685,00	3.037,00	53,42%
55	XÃ KIM SƠN	7.637,48	4.144,00	54,26%
56	XÃ ẮN TƯỜNG	11.364,00	6.194,41	54,51%
57	XÃ PHỦ TÚC	16.718,00	9.196,04	55,01%
58	XÃ HÒA HỘI	3.484,00	1.984,00	56,95%
59	XÃ YA HỘI	11.352,00	6.710,30	59,11%
60	XÃ IA BOÔNG	10.371,00	6.156,70	59,36%
61	XÃ CANH LIÊN	5.455,90	3.241,96	59,42%
62	XÃ VĨNH THẠNH	3.622,49	2.166,02	59,79%
63	XÃ UAR	13.697,00	8.398,19	61,31%
64	XÃ VĨNH SƠN	10.221,86	6.283,39	61,47%
65	XÃ PHỦ MỸ NAM	3.420,49	2.156,30	63,04%
66	XÃ XUÂN AN	1.780,00	1.136,00	63,82%
67	XÃ CHƠ LONG	15.009,00	9.744,34	64,92%
68	XÃ HRA	10.389,75	6.997,60	67,35%
69	XÃ KON GANG	8.259,63	5.583,69	67,60%
70	XÃ IA O	7.363,00	5.007,00	68,00%
71	XÃ IA DREH	19.638,99	13.774,91	70,14%
72	XÃ IA RSAI	17.381,50	12.483,06	71,82%
73	XÃ HỘI SƠN	2.172,00	1.622,00	74,68%
74	XÃ VĨNH QUANG	8.145,93	6.118,49	75,11%
75	XÃ CHƯ PRÔNG	10.899,00	8.226,00	75,47%
76	XÃ AYUN	9.538,84	7.377,78	77,34%
77	XÃ NGÔ MÂY	3.920,23	3.120,60	79,60%
78	XÃ BÌNH PHÚ	6.003,17	4.859,47	80,95%
79	XÃ CỬU AN	4.127,28	3.357,28	81,34%
80	XÃ IA PNÔN	5.628,25	4.590,00	81,55%
81	XÃ HOÀI ẮN	4.798,00	3.922,02	81,74%
82	XÃ BÌNH KHÊ	4.778,00	3.943,12	82,53%
83	XÃ PHỦ MỸ BẮC	2.858,00	2.406,54	84,20%
84	XÃ TUY PHƯỚC ĐÔNG	5.205,08	4.434,14	85,19%
85	XÃ BÌNH DƯƠNG	3.037,00	2.616,06	86,14%
86	XÃ ẮN HẢO	8.563,00	7.406,94	86,50%
87	XÃ KON CHIÊNG	8.616,79	7.661,44	88,91%
88	XÃ ẮN LƯƠNG	5.917,51	5.462,00	92,30%
89	XÃ IA ĐOK	10.403,25	9.719,70	93,43%
90	XÃ PHỦ MỸ TÂY	1.780,00	1.685,55	94,69%
91	XÃ BÌNH ẮN	6.166,05	5.997,82	97,27%
92	XÃ IA RBOL	4.486,18	4.372,81	97,47%
93	PHƯỜNG AYUN PA	599,00	593,79	99,13%
94	PHƯỜNG ẮN BÌNH	408,00	404,60	99,17%
95	XÃ PHỦ MỸ ĐÔNG	11.478,01	11.478,01	100,00%
96	PHƯỜNG QUY NHƠN ĐÔNG	694,00	694,00	100,00%
97	PHƯỜNG QUY NHƠN TÂY	694,00	694,00	100,00%
98	XÃ NHƠN CHẤU	1.388,00	1.388,00	100,00%
99	PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH	1.780,00	1.780,00	100,00%
100	PHƯỜNG ẮN NHƠN	1.780,00	1.780,00	100,00%
101	PHƯỜNG ẮN NHƠN ĐÔNG	694,00	694,00	100,00%
102	XÃ ẮN NHƠN TÂY	1.912,00	1.912,00	100,00%
103	PHƯỜNG ẮN NHƠN NAM	1.086,00	1.086,00	100,00%
104	PHƯỜNG ẮN NHƠN BẮC	1.388,00	1.388,00	100,00%
105	PHƯỜNG TAM QUAN	694,00	694,00	100,00%
106	PHƯỜNG HOÀI NHƠN ĐÔNG	1.388,00	1.388,00	100,00%
107	PHƯỜNG HOÀI NHƠN TÂY	2.790,00	2.790,00	100,00%
108	PHƯỜNG HOÀI NHƠN BẮC	4.008,00	4.008,00	100,00%
109	XÃ PHỦ CÁT	3.484,00	3.484,00	100,00%
110	XÃ ĐỀ GI	1.388,00	1.388,00	100,00%
111	XÃ PHỦ MỸ	7.489,99	7.489,99	100,00%

112	XÃ TUY PHƯỚC	4.321,59	4.321,59	100,00%
113	XÃ TUY PHƯỚC TÂY	2.172,00	2.172,00	100,00%
114	XÃ TUY PHƯỚC BẮC	2.082,00	2.082,00	100,00%
115	XÃ BÌNH HIỆP	11.043,41	11.043,41	100,00%
116	PHƯỜNG PLEIKU	631,00	631,00	100,00%
117	PHƯỜNG DIỄN HỒNG	631,00	631,00	100,00%
118	PHƯỜNG AN PHÚ	1.262,00	1.262,00	100,00%
119	XÃ IA BĂNG	0,00	0,00	-
120	XÃ CHƯ SÊ	0,00	0,00	-
121	XÃ CHƯ PƯH	0,00	0,00	-
122	XÃ ĐỨC CỖ	0,00	0,00	-
123	XÃ CHƯ PÁH	0,00	0,00	-
124	XÃ IA TỜ	0,00	0,00	-
125	XÃ ĐAK PƠ	0,00	0,00	-
126	PHƯỜNG QUY NHƠN	0,00	0,00	-
127	PHƯỜNG QUY NHƠN NAM	0,00	0,00	-
128	PHƯỜNG QUY NHƠN BẮC	0,00	0,00	-
129	PHƯỜNG BÔNG SƠN	0,00	0,00	-
130	PHƯỜNG HOÀI NHƠN	0,00	0,00	-
131	PHƯỜNG HOÀI NHƠN NAM	0,00	0,00	-
132	PHƯỜNG HỘI PHÚ	0,00	0,00	-
133	PHƯỜNG THỐNG NHẤT	0,00	0,00	-
134	PHƯỜNG AN KHÊ	0,00	0,00	-
135	XÃ IA SAO	0,00	0,00	-
B	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH			
1	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ	21.107,97	13.414,62	63,55%
2	TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIA LAI	24.672,00	6.938,46	28,12%
3	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH	2.177,00	663,90	30,50%
4	TRƯỜNG CĐ KTCN QUY NHƠN	13.720,22	5.070,05	36,95%
5	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	155.009,46	81.385,64	52,50%
6	BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH	88.506,00	49.441,17	55,86%
7	SỞ Y TẾ	74.767,43	57.774,93	77,27%